

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 05 - 05 - 2023.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Thi Thị Thanh Trúc.

2/ Ông Đỗ Văn Chúc.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Khởi - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thôn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về: *“Tranh chấp hợp đồng góp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXX-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: 1/ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1974 (Có mặt).

2/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1973 (Vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Q có lời trình bày như sau:

Bà có làm đầu thảo hui và bà Phạm Thị B là hui viên có tham gia dây hui cụ thể như sau:

Dây hui khui vào ngày 19/7/2019 là dây hui tháng, loại hui 5.000.000 đồng gồm 34 phần, mỗi tháng khui hui một lần và tiền thảo cho mỗi lần khui hui là 2.500.000 đồng, trong dây hui này vợ chồng bà B, ông L và bà T có hùn tham gia (Vợ chồng bà B phân nửa và bà T phân nửa) có tham gia một phần, đã đóng được một lần hui sống đến ngày 19/8/2019 là bà B và bà T kêu số tiền 2.015.000 đồng và được hốt hui. Sau khi gom hui bà đã giao cho bà B và bà T nhận số tiền là 101.220.000 đồng đã trừ tiền thảo có giấy giao nhận hui do bà B và bà T cùng ký nhận hui.

Trong dây hui này bà B và bà T phải có nghĩa vụ đóng lại cho bà 32 lần hui chết, nhưng bà B và bà T không có đóng hui chết cho bà cho đến nay, dây hui đã mãn vào ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Trong dây hui này bà yêu cầu bà B và ông L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui chết mà bà đã đóng cho ông là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui chết mà bà đã đóng cho ông là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Phần tiền lãi bà yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày mãn hui 19 tháng 4 năm 2022 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị B có lời trình bày như sau: Bà thừa nhận có chơi hui do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo dây hui ngày 19/7/2019 loại hui 5.000.000 đồng, trong dây hui này có 34 phần, bà với bà T tham gia 1 chân bà phân nửa chân còn bà Nguyễn Thị T phân nửa. Sau khi hốt hui phần của bà thì bà đã trừ vào số tiền hui trước đây bà còn nợ bà Q chứ bà không có nhận tiền hui. Sau đó bà đóng hui chết lại cho bà Q mỗi tháng 2.500.000 đồng đóng cho đến hui mãn thì bà còn nợ lại bà Q khoản 4 lần hui chết là 10.000.000 đồng, sau đó bà Q có ra nhà bà gom tiền hui thì bà có đưa cho bà Q số tiền 4.000.000 đồng. Hiện tại dây hui này bà chỉ còn nợ bà Q số tiền 6.000.000 đồng.

Nay bà Q yêu cầu bà trả số tiền hui chết là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) thì bà không đồng ý. Do dây hui này bà có ký nhận hui với bà Q, nhưng không có nhận tiền hui sau đó bà có đóng hui chết cho bà Q đầy đủ, trong dây hui này bà chỉ còn nợ lại bà Q số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Tại bản tự khai ông Trần Văn L có lời trình bày như sau: Ông là chồng của bà Phạm Thị B, ông thống nhất theo ý kiến trình bày của bà B, ông không có ý kiến và cũng không yêu cầu gì thêm.

Theo bà Nguyễn Thị T có lời trình bày như sau: Bà thừa nhận có chơi hui do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo dây hui ngày 19/7/2019 loại hui 5.000.000 đồng, trong dây hui này bà tham gia phân nửa chân còn bà Phạm Thị B phân nửa chân. Sau khi hốt hui thì bà chưa có đóng hui chết cho bà Q lần nào.

Tại phiên tòa ông L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và bà Nguyễn Thị T được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do là phù hợp theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên đương sự thì bà B và bà T đều thừa nhận bà có tham gia chơi năm dây hụi do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo và bà Phạm Thị B và bà Nguyễn Thị T là hụi viên. Dây hụi mở ngày 19/7/2019 là hụi tháng loại hụi 5.000.000đồng, trong dây hụi này bà B và bà T đã hốt có giấy nhận hụi và phải có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà Q cho đầu thảo đến khi hụi mãn. Lời khai của các đương sự là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà Q vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B, ông L và bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi chết là 160.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 10%/năm từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà Q là có cơ sở. Bởi vì bà B và bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi và hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho bà Q là vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên đối với đầu thảo.

Theo bà B cho rằng bà đã đóng hụi chết cho bà Q đầy đủ hiện tại chỉ còn nợ bà Q số tiền là 6.000.000đồng xét lời nại ra của bà B có chênh lệch số tiền tranh chấp, bà B cho rằng bà có đóng hụi cho bà Q nhưng bà B không có chứng cứ nào để chứng minh cho việc bà đã đóng hụi xong cho bà Q. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà B không cung cấp được chứng cứ để chứng minh từ đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà B là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải đưa ra chứng cứ để chứng minh”* trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho các bên đương sự cung cấp chứng cứ nhưng bà Bích không có ý kiến gì và cũng không có giấy tờ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà là đã đóng hụi chết xong cho bà Q.

Phía bà T thừa nhận có chơi hụi do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo dây hụi ngày 19/7/2019 loại hụi 5.000.000đồng, trong dây hụi này bà phân nửa chân còn bà Phạm Thị B phân nửa chân. Sau khi hốt hụi thì bà chưa có đóng hụi chết cho bà Q lần nào. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử buộc bà B và ông L có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi là 80.000.000đồng và bà T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hụi là 80.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông L mặc dù không có ký giấy nhận hối, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông L có ý kiến là ông thống nhất theo ý kiến của bà . Xét thấy bà B và ông L là vợ chồng, giao dịch hối này trong thời kỳ hôn nhân nên có đủ cơ sở buộc ông L cùng bà Bích có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền hối còn nợ.

[5] Xét về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy việc bà B, ông L và bà T còn nợ tiền hối của bà Q thì phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà Q là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Lãi suất được tính theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tiền lãi được tính như sau: Số tiền hối là 160.000.000đồng lãi suất tính từ ngày mãn hối 19/4/2022 đến ngày xét xử 05/5/2023 là 12 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng (Tức 10%/năm) là 16.644.000đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*)

[6] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Q không phải chịu án phí. Bà B và ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 288 và khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hối, biên, phường;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Phạm Thị B và ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền hối còn nợ là 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 8.322.000đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền hối còn nợ là 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 8.322.000đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị B và ông Trần Văn L có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.416.000đồng (*Bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*)

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.416.000đồng (*Bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*)

- Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí và bà Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.000.000đồng (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0014065 cùng ngày 31 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên đóng dấu)**

Nguyễn Thị Liên